

Số: / /TT-BKHCN

Hà Nội, ngày tháng năm 2025

Dự thảo 2
Ngày 29/3/2025**THÔNG TƯ****Hướng dẫn nội dung chi cho hoạt động đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin,
chuyển đổi số**

Căn cứ Luật Công nghệ thông tin ngày 29 tháng 6 năm 2006;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015; Luật số 56/2024/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán, Luật Kế toán luật kiểm toán độc lập, luật ngân sách nhà nước, luật quản lý, sử dụng tài sản công, luật quản lý thuế, luật thuế thu nhập cá nhân, luật dự trữ quốc gia, luật xử lý vi phạm hành chính;

Căn cứ Nghị định số 73/2019/NĐ-CP ngày 05 tháng 9 năm 2019 của Chính phủ quy định quản lý đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước; Nghị định số 82/2024/NĐ-CP ngày 10 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 73/2019/NĐ-CP ngày 05 tháng 9 năm 2019 của Chính phủ quy định quản lý đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 55/2025/NĐ-CP ngày 02 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Khoa học và Công nghệ;

Theo đề nghị của Cục Chuyển đổi số quốc gia,

Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành Thông tư hướng dẫn nội dung chi cho hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số.

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

1. Thông tư này hướng dẫn nội dung chi cho hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số.

2. Hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số xác định theo quy định tại Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia, Nghị định số 73/2019/NĐ-CP ngày 05/9/2019 của Chính phủ quy định quản lý đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước, Nghị định số 82/2024/NĐ-CP ngày 10/7/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 73/2019/NĐ-CP, Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030, Quyết định số 942/QĐ-TTg ngày 15/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030, Quyết định số 411/QĐ-TTg ngày 31/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược quốc gia phát triển kinh tế số và xã hội số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 và các chương trình, chương trình hành động, đề án, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch về chuyển đổi số được Thủ tướng Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với các cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, đơn vị thuộc lực lượng vũ trang nhân dân, đơn vị sự nghiệp công lập, các tổ chức khoa học và công nghệ công lập (sau đây gọi tắt là cơ quan, đơn vị) khi sử dụng ngân sách nhà nước để thực hiện hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số quy định tại khoản 2 Điều 1 Thông tư này.

Điều 3. Nguồn kinh phí thực hiện

1. Kinh phí chi cho hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số bao gồm:

a) Nguồn chi đầu tư ngân sách nhà nước theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước;

b) Kinh phí chi thường xuyên nguồn ngân sách nhà nước theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước;

c) Nguồn thu để lại để chi thường xuyên theo quy định của các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập.

2. Các cơ quan, đơn vị có trách nhiệm quản lý, sử dụng kinh phí đúng mục đích, có hiệu quả, công khai, minh bạch, đúng chế độ.

3. Việc lập dự toán, thanh quyết toán kinh phí thực hiện theo quy định của

pháp luật ngân sách nhà nước về lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước để mua sắm, sửa chữa, cải tạo, nâng cấp tài sản, trang thiết bị, chi thuê hàng hóa, dịch vụ.

Điều 4. Áp dụng văn bản

1. Đối với hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số thuộc chương trình, đề án, kế hoạch đã có văn bản quy định, hướng dẫn riêng về lập dự toán, quản lý, sử dụng kinh phí thì thực hiện theo quy định tại văn bản hướng dẫn đó; trường hợp không có quy định riêng thì thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư này.

2. Trường hợp các định mức ứng dụng công nghệ thông tin do cơ quan có thẩm quyền đã ban hành không đáp ứng yêu cầu đặc thù, chuyên ngành của bộ, ngành, địa phương thì các bộ quản lý chuyên ngành, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương tổ chức xác định, ban hành định mức ứng dụng công nghệ thông tin khác phù hợp với đặc thù, chuyên ngành của ngành, lĩnh vực địa phương mình.

3. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật có quy định khác nhau về cùng một nội dung chi, định mức, đơn giá, mức chi thì áp dụng theo nguyên tắc quy định tại Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật để thực hiện.

4. Khi các văn bản dẫn chiếu để áp dụng tại Thông tư này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản mới thì áp dụng theo các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

Điều 5. Nội dung chi

1. Nội dung chi đối với dự án đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng kinh phí chi đầu tư phát triển và kinh phí chi thường xuyên nguồn vốn ngân sách nhà nước bao gồm các chi phí thành phần theo quy định tại Điều 19 và Điều 28 Nghị định số 73/2019/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 82/2024/NĐ-CP) sử dụng.

2. Nội dung chi đối với hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng kinh phí chi thường xuyên nguồn vốn ngân sách nhà nước quy định tại khoản 1 Điều 51 Nghị định số 73/2019/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 28 Điều 1 Nghị định số 82/2024/NĐ-CP), bao gồm các chi phí:

a) Chi mua sắm dự phòng, thay thế các thiết bị phần cứng thuộc hệ thống thông tin hiện có; mua sắm thiết bị không cần lắp đặt; mua sắm phần mềm thương mại (bao gồm cập nhật bản quyền phần mềm thương mại).

b) Chi gia hạn bảo hành (bảo hành mở rộng); bảo trì, sửa chữa hệ thống thông tin, phần cứng, phần mềm (bảo đảm thực hiện các công việc theo quy định

tại Phụ lục số 12 Thông tư số 18/2024/TT-BTTTT ngày 30/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định lập và quản lý chi phí đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin, thuê dịch vụ công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước).

c) Chi quản trị, vận hành, thuê quản trị, hỗ trợ kỹ thuật hệ thống thông tin (bảo đảm thực hiện các công việc theo quy định tại Phụ lục số 11 Thông tư số 18/2024/TT-BTTTT ngày 30/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông), dịch vụ an toàn thông tin mạng (chi dịch vụ kiểm tra đánh giá an toàn thông tin, chi dịch vụ giám sát an toàn thông tin, dịch vụ ứng cứu sự cố an toàn thông tin); dịch vụ an ninh mạng.

d) Chi tạo lập cơ sở dữ liệu; chuẩn hoá, chuyển đổi phục vụ cho nhập dữ liệu, tạo lập cơ sở dữ liệu; thực hiện nhập dữ liệu cho cơ sở dữ liệu, gồm: chuẩn hóa dữ liệu; tạo lập dữ liệu ban đầu; cập nhật dữ liệu, thông tin mới (mua nội dung thông tin, tạo lập và chuyển đổi thông tin, số hoá thông tin); duy trì hệ thống cơ sở dữ liệu.

đ) Chi phục vụ hoạt động đối với trang thông tin điện tử của các cơ quan, đơn vị để cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến theo quy định của Nghị định số 42/2022/NĐ-CP ngày 24/6/2022 của Chính phủ về quy định về việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến của cơ quan nhà nước trên môi trường mạng, gồm:

- Mua nội dung thông tin, tạo lập và chuyển đổi thông tin, số hoá thông tin cho cổng/trang thông tin điện tử;

- Chi bảo đảm nhân lực cho cổng/trang thông tin điện tử gồm: Nhân lực biên tập, nhân lực quản trị kỹ thuật.

- Chi bảo trì, bảo dưỡng cổng/trang thông tin điện tử: Thuộc mục chi bảo trì, bảo dưỡng, sửa chữa hệ thống thông tin, phần cứng, phần mềm.

- Chi nâng cấp, chỉnh sửa cổng/trang thông tin điện tử: Thuộc mục chi mua sắm, nâng cấp phần mềm.

e) Thuê dịch vụ công nghệ thông tin sẵn có trên thị trường theo quy định tại khoản 3 Điều 3 Nghị định số 73/2019/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 2 Điều 1 Nghị định số 82/2024/NĐ-CP).

g) Chi các hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin để khắc phục ngay hoặc xử lý kịp thời hậu quả gây ra do sự cố thiên tai, hỏa hoạn hoặc thực thi nhiệm vụ giải quyết sự cố theo yêu cầu của Quốc hội, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ hoặc yêu cầu nghiệp vụ quy định tại văn bản quy phạm pháp luật.

h) Các hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn kinh phí chi thường xuyên không thuộc hoạt động quy định tại khoản 24 Điều 3 Nghị định số 73/2019/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 28 Điều 1 Nghị định số 82/2024/NĐ-CP), gồm chi quản lý nhà nước về ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số:

- Chi xây dựng, rà soát cơ chế, chính sách, văn bản pháp lý trong lĩnh vực ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số;

- Chi điều tra, khảo sát thu thập thông tin phục vụ quản lý nhà nước về ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số;

- Chi hội nghị, hội thảo về ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số;

- Chi đoàn đi công tác nước ngoài học tập kinh nghiệm quốc tế về ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số và các đoàn công tác trong nước;

- Chi cho công tác phiên dịch, biên dịch tài liệu;

- Chi đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức: Đào tạo, bồi dưỡng kiến thức chung về công nghệ thông tin, chuyển đổi số, kỹ năng số; Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ chuyên trách về công nghệ thông tin, đào tạo chuyên sâu, đào tạo theo chuẩn của các hãng; Đào tạo, bồi dưỡng giám đốc công nghệ thông tin, mạng lưới chuyển đổi số; Đào tạo, bồi dưỡng chuyên đề chuyên môn, nghiệp vụ về ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số.

- Chi phụ cấp ưu đãi, phụ cấp độc hại theo chế độ cho cán bộ chuyên trách về công nghệ thông tin, an toàn thông tin (nếu có).

- Chi cho công tác thông tin, tuyên truyền, quảng bá ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số.

- Chi tổ chức các hội thi, cuộc thi, lễ kỷ niệm, lễ vinh danh, tôn vinh về công nghệ thông tin, chuyển đổi số.

- Chi thuê chuyên gia công nghệ thông tin, chuyển đổi số để thực hiện các nội dung, công việc theo quyết định của cấp có thẩm quyền.

- Chi xây dựng các kế hoạch, chương trình, đề án, kiến trúc công nghệ thông tin, ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số;

- Chi xây dựng định mức, đơn giá lĩnh vực công nghệ thông tin;

- Chi kiểm tra, giám sát, đánh giá việc thực hiện các nhiệm vụ ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số;

- Chi hoạt động của các Ban điều hành, Ban chỉ đạo, Tổ Giúp việc, Hội đồng tư vấn, Mạng lưới trong lĩnh vực ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số: Chi cho công tác chỉ đạo, kiểm tra, giám sát, đôn đốc, đánh giá hoạt động

ứng dụng công nghệ thông tin, chuyên đổi số; chi các cuộc họp, hội nghị, hội thảo; chi hoạt động chuyên môn; chi hỗ trợ hoạt động của cơ quan thường trực.

3. Nội dung chi đối với hoạt động thuê dịch vụ công nghệ thông tin không sẵn có trên thị trường theo quy định tại khoản 4 Điều 3 Nghị định số 73/2019/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 2 Điều 1 Nghị định số 82/2024/NĐ-CP) bao gồm các chi phí thành phần theo quy định tại Điều 55 Nghị định số 73/2019/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 33 Điều 1 Nghị định số 82/2024/NĐ-CP).

Điều 6. Mức chi đối với dự án đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin

Mức chi đối với dự án đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin thực hiện theo quy định tại Thông tư số 18/2024/TT-BTTTT ngày 30/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định lập và quản lý chi phí đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin, thuê dịch vụ công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước. Bao gồm:

1. Chi phí xây lắp

a) Chi phí lắp đặt mạng, phụ kiện mạng công nghệ thông tin: Thực hiện theo Quyết định số 1601/QĐ-BTTTT ngày 03/10/2011 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông về việc công bố định mức lắp đặt phần cứng và cài đặt phần mềm trong ứng dụng công nghệ thông tin để các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan tham khảo, sử dụng trong công tác lắp đặt phần cứng và cài đặt phần mềm trong hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin và Quyết định số 1235/QĐ-BTTTT ngày 04/9/2014 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông sửa đổi, bổ sung Quyết định số 1601/QĐ-BTTTT.

b) Chi mua sắm vật tư, vật liệu, phụ kiện mạng: Được xác định trên cơ sở báo giá của nhà sản xuất hoặc nhà cung ứng theo quy định tại Thông tư số 18/2024/TT-BTTTT.

2. Chi phí trang thiết bị

a) Chi phí mua sắm trang thiết bị công nghệ thông tin: Được xác định trên cơ sở báo giá của nhà cung cấp, nhà sản xuất theo quy định tại Thông tư số 18/2024/TT-BTTTT.

b) Chi phí xây dựng, phát triển, nâng cấp, mở rộng phần mềm nội bộ theo quy định tại Thông tư số 18/2024/TT-BTTTT.

c) Chi phí tạo lập cơ sở dữ liệu; chuẩn hóa, chuyển đổi phục vụ cho nhập dữ liệu; thực hiện nhập dữ liệu cho cơ sở dữ liệu: Thực hiện theo Quyết định số 1595/QĐ-BTTTT ngày 03/10/2011 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền

thông về việc công bố định mức tạo lập cơ sở dữ liệu trong hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin.

d) Chi phí lắp đặt trang thiết bị; cài đặt phần mềm; kiểm tra, hiệu chỉnh thiết bị và phần mềm: Thực hiện theo Quyết định số 1601/QĐ-BTTTT ngày 03/10/2011 và Quyết định số 1235/QĐ-BTTTT ngày 04/9/2014 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông.

đ) Chi phí đào tạo hướng dẫn sử dụng; chi phí đào tạo cho cán bộ quản trị, vận hành hệ thống (nếu có): Thực hiện theo Quyết định số 2331/QĐ-BTTTT ngày 15/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông về việc công bố định mức kinh tế - kỹ thuật trong hoạt động chuyển giao ứng dụng công nghệ thông tin.

Đối với hạng mục đào tạo chưa ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật: Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 36/2018/TT-BTC ngày 30/3/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn lập dự toán, quản lý và sử dụng kinh phí dành cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức; Thông tư số 06/2023/TT-BTC ngày 31/01/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 36/2018/TT-BTC.

e) Chi phí triển khai, hỗ trợ, quản trị, vận hành sản phẩm hoặc hạng mục công việc của dự án trước khi nghiệm thu bàn giao (nếu có) theo quy định tại Thông tư số 18/2024/TT-BTTTT.

3. Chi phí quản lý dự án và giám sát, đánh giá đầu tư thực hiện theo quy định tại Thông tư số 18/2024/TT-BTTTT, trong đó:

a) Định mức chi phí quản lý dự án: Thực hiện theo Quyết định số 1688/QĐ-BTTTT ngày 11/10/2019 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông về việc công bố định mức chi phí quản lý dự án, chi phí tư vấn đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước;

b) Việc quản lý, sử dụng nguồn kinh phí quản lý dự án: Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 70/2024/TT-BTC ngày 01/10/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về quản lý, sử dụng các khoản thu từ hoạt động tư vấn, quản lý dự án của các chủ đầu tư, ban quản lý dự án sử dụng vốn ngân sách nhà nước;

c) Chi phí giám sát, đánh giá đầu tư: Thực hiện theo quy định tại Nghị định số 29/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ quy định về trình tự, thủ tục thẩm định dự án quan trọng quốc gia và giám sát, đánh giá đầu tư.

4. Chi phí tư vấn đầu tư

Chi phí tư vấn đầu tư xác định theo quy định tại Thông tư số 18/2024/TT-BTTTT.

5. Chi phí khác

a) Phí thẩm định dự án: Thực hiện theo Thông tư số 28/2023/TT-BTC ngày 12/5/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định dự án đầu tư xây dựng.

b) Chi phí kiểm toán độc lập; thẩm tra, phê duyệt quyết toán: Thực hiện theo quy định tại Nghị định số 99/2021/NĐ-CP ngày 11/11/2021 của Chính phủ quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công.

c) Chi phí kiểm thử chất lượng phần mềm: Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 18/2024/TT-BTTTT và Công văn số 3787/BTTTT-THH ngày 26/12/2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông hướng dẫn phương pháp xác định chi phí kiểm thử chất lượng phần mềm.

d) Chi phí lắp đặt và thuê đường truyền; lệ phí đăng ký và duy trì tên miền; chi phí thẩm định giá: Được xác định trên cơ sở báo giá của nhà sản xuất hoặc nhà cung ứng.

6. Chi phí dự phòng: Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 18/2024/TT-BTTTT.

7. Chi nhân công:

a) Chi phí nhân công trực tiếp thực hiện theo Quyết định số 129/QĐ-BTTTT ngày 03/2/2021 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông về hướng dẫn xác định đơn giá nhân công trong quản lý chi phí đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước;

b) Chi phí thuê chuyên gia tư vấn trong nước (chuyên gia có quốc tịch Việt Nam) thực hiện theo quy định của Bộ Nội vụ về mức lương của chuyên gia tư vấn trong nước để làm cơ sở cho việc xác định giá gói thầu.

c) Chi phí thuê chuyên gia tư vấn nước ngoài (chuyên gia có quốc tịch nước ngoài): Dự toán chi phí thuê chuyên gia nước ngoài do chủ đầu tư đề xuất hoặc trên cơ sở thương thảo với chuyên gia.

8. Chi phí lập, thẩm định kế hoạch tổng thể lựa chọn nhà thầu, hồ sơ mời quan tâm, hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu; chi phí đánh giá hồ sơ quan tâm, hồ sơ dự sơ tuyển, hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất; chi phí thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu (trường hợp chủ đầu tư, bên mời thầu trực tiếp thực hiện): Thực hiện theo quy định tại Nghị định số 24/2024/NĐ-CP ngày 27/02/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 17/2025/NĐ-CP ngày 06/02/2025 của Chính phủ).

9. Chi phí triển khai áp dụng phần mềm nguồn mở: Thực hiện theo Quyết định số 1872/QĐ-BTTTT ngày 14/11/2018 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông về việc công bố định mức kinh tế - kỹ thuật triển khai áp dụng phần mềm nguồn mở.

Điều 7. Mức chi đối với hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng kinh phí chi thường xuyên nguồn vốn ngân sách nhà nước và nguồn thu để lại của các cơ quan, đơn vị để chi thường xuyên

1. Chi mua sắm dự phòng, thay thế các thiết bị phần cứng thuộc hệ thống thông tin hiện có; mua sắm thiết bị không cần lắp đặt; mua sắm phần mềm thương mại (bao gồm cập nhật bản quyền phần mềm thương mại): Được xác định trên cơ sở báo giá của nhà cung cấp, nhà sản xuất.

2. Chi gia hạn bảo hành (bảo hành mở rộng): Xác định trên cơ sở báo giá của nhà cung cấp, nhà sản xuất hệ thống thông tin, phần cứng, phần mềm, cơ sở dữ liệu.

3. Chi quản trị, vận hành, bảo trì, bảo dưỡng, sửa chữa hệ thống thông tin, phần cứng, phần mềm, cơ sở dữ liệu; thuê quản trị, hỗ trợ kỹ thuật hệ thống thông tin, dịch vụ an ninh mạng, an toàn thông tin: Xác định trên cơ sở báo giá của nhà cung cấp dịch vụ hoặc lập dự toán theo quy định tại Thông tư số 18/2024/TT-BTTTT.

4. Chi phí thực hiện công tác ứng cứu sự cố, bảo đảm an toàn thông tin mạng: Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 121/2018/TT-BTC ngày 12/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí để thực hiện công tác ứng cứu sự cố, bảo đảm an toàn thông tin mạng.

5. Chi tạo lập cơ sở dữ liệu; chuẩn hóa, chuyển đổi phục vụ cho nhập dữ liệu, tạo lập cơ sở dữ liệu; thực hiện nhập dữ liệu cho cơ sở dữ liệu:

a) Trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ và năng lực đội ngũ cán bộ của bộ phận chuyên trách (hoặc kiêm nhiệm) công nghệ thông tin, các cơ quan, đơn vị có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ này như là nhiệm vụ chuyên môn thường xuyên. Trường hợp cán bộ, công chức, viên chức khi làm thêm giờ để thực hiện các nhiệm vụ này được thanh toán tiền lương làm thêm giờ theo quy định tại Thông tư liên tịch số 08/2005/TTLT-BNV-BTC ngày 05/01/2005 của Liên Bộ Tài chính - Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện chế độ trả lương làm việc vào ban đêm, làm thêm giờ đối với cán bộ, công chức, viên chức.

b) Trường hợp vượt quá khả năng thực hiện, thủ trưởng cơ quan, đơn vị quyết định việc thuê tổ chức, cá nhân bên ngoài để thực hiện. Việc thanh toán

thực hiện theo hợp đồng và hoá đơn chứng từ, bảo đảm tuân thủ quy định về mua sắm tài sản, hàng hóa, dịch vụ.

c) Việc thuê tổ chức, cá nhân bên ngoài thực hiện theo quy định tại Thông tư số 194/2012/TT-BTC ngày 15/11/2012 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn mức chi tạo lập thông tin điện tử nhằm duy trì hoạt động thường xuyên của các cơ quan, đơn vị sử dụng ngân sách nhà nước; Thông tư của Bộ quản lý chuyên ngành như: Thông tư 04/2014/TT-BNV ngày 23/6/2014 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định định mức kinh tế - kỹ thuật tạo lập cơ sở dữ liệu tài liệu lưu trữ; các định mức kinh tế - kỹ thuật xây dựng, cập nhật cơ sở dữ liệu ngành tài nguyên và môi trường.

Chi chuẩn hóa dữ liệu: Thực hiện theo Quyết định số 1595/QĐ-BTTTT ngày 03/10/2011.

6. Chi phục vụ hoạt động đối với trang thông tin điện tử của các cơ quan, đơn vị để cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến

a) Nhuận bút, thù lao các tin, bài được đăng tải trên trang thông tin điện tử (nội dung thông tin)

- Tin, bài được đăng tải trên cổng/trang thông tin điện tử của cơ quan nhà nước (không phải là báo điện tử): Thực hiện theo quy định tại Nghị định số 18/2014/NĐ-CP ngày 14/03/2014 của Chính phủ quy định về chế độ nhuận bút trong lĩnh vực báo chí, xuất bản.

- Tin, bài được đăng trên báo in, báo điện tử: Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 18/2021/TT-BTTTT ngày 30/11/2021 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông về ban hành định mức kinh tế- kỹ thuật hoạt động báo in, báo điện tử.

b) Chi tạo lập và chuyển đổi thông tin, số hoá thông tin cho cổng/trang thông tin điện tử: Thực hiện theo quy định tại khoản 5 Điều này.

c) Chi bảo đảm nhân lực cho cổng/trang thông tin điện tử: Thực hiện theo quy định của pháp luật về tiền lương, tiền công.

7. Chi thuê dịch vụ công nghệ thông tin sẵn có trên thị trường: Giá thuê dịch vụ (tính theo đơn giá của từng dịch vụ sử dụng hoặc đơn giá sản phẩm đầu ra của dịch vụ) được xác định trên cơ sở báo giá của nhà cung cấp, nhà sản xuất dịch vụ tại thời điểm thuê dịch vụ theo quy định tại Điều 51 Nghị định số 73/2019/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 28 Điều 1 Nghị định số 82/2024/NĐ-CP).

8. Chi quản lý nhà nước về ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số

a) Chi xây dựng, rà soát cơ chế, chính sách, văn bản pháp lý trong lĩnh vực ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số: Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 338/2016/TT-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật và Thông tư số 42/2022/TT-BTC ngày 06 tháng 7 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 338/2016/TT-BTC.

b) Chi điều tra, khảo sát thu thập thông tin phục vụ quản lý nhà nước về ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số: Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 109/2016/TT-BTC ngày 30/6/2016 của Bộ Tài chính quy định lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện các cuộc điều tra thống kê, Tổng điều tra thống kê quốc gia; Thông tư số 37/2022/TT-BTC ngày 22/6/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung khoản 9 Điều 3 và Mẫu số 01 kèm theo Thông tư số 109/2016/TT-BTC;

c) Chi hội nghị, hội thảo về ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số: Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 40/2017/TT-BTC ngày 28 tháng 4 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị.

d) Chi đoàn đi công tác nước ngoài học tập kinh nghiệm quốc tế về ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số: Thực hiện theo mức chi quy định tại Thông tư số 102/2012/TT-BTC ngày 21/6/2012 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí cho cán bộ, công chức Nhà nước đi công tác ngắn hạn ở nước ngoài do ngân sách Nhà nước bảo đảm kinh phí.

Chi đoàn đi công tác trong nước: Thực hiện theo mức chi quy định tại Thông tư số 40/2017/TT-BTC ngày 28 tháng 4 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị

đ) Chi cho công tác phiên dịch, biên dịch tài liệu: Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 71/2018/TT-BTC ngày 10/8/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chế độ tiếp khách nước ngoài vào làm việc tại Việt Nam, chế độ chi tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế tại Việt Nam và chế độ tiếp khách trong nước.

e) Chi đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức: Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 36/2018/TT-BTC ngày 30/3/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn lập dự toán, quản lý và sử dụng kinh phí dành cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức; Thông tư số 06/2023/TT-BTC ngày 31/01/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 36/2018/TT-BTC.

g) Chi phụ cấp ưu đãi, phụ cấp độc hại theo chế độ cho cán bộ chuyên trách về công nghệ thông tin, an toàn thông tin, chuyển đổi số (nếu có).

h) Chi cho công tác thông tin, tuyên truyền, quảng bá ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số:

- Thông tin, tuyên truyền, quảng bá theo hình thức tin, bài: Thực hiện theo quy định tại Nghị định số 18/2014/NĐ-CP ngày 14/03/2014 của Chính phủ quy định về chế độ nhuận bút trong lĩnh vực báo chí, xuất bản và Thông tư số 18/2021/TT-BTTTT ngày 30/11/2021 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông về ban hành định mức kinh tế- kỹ thuật hoạt động báo in, báo điện tử.

- Thông tin, tuyên truyền, quảng bá theo hình thức chương trình truyền hình: Thực hiện theo Thông tư số 03/2018/TT-BTTTT ngày 20/4/2018 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật về sản xuất chương trình truyền hình.

- Thông tin tuyên truyền, quảng bá thông qua các xuất bản phẩm: Thực hiện theo Thông tư số 42/2020/TT-BTTTT ngày 31/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành Thông tư ban hành Định mức kinh tế - kỹ thuật hoạt động xuất bản.

i) Chi tổ chức các hội thi, cuộc thi, lễ kỷ niệm, lễ vinh danh, tôn vinh về công nghệ thông tin, chuyển đổi số: Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 27/2018/TT-BTC ngày 21/3/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chế độ tài chính cho hoạt động tổ chức Giải thưởng sáng tạo khoa học công nghệ Việt Nam, Hội thi sáng tạo kỹ thuật và Cuộc thi sáng tạo Thanh thiếu niên nhi đồng và Thông tư số 40/2017/TT-BTC ngày 28 tháng 4 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị.

k) Chi thuê chuyên gia công nghệ thông tin, chuyển đổi số để thực hiện các nội dung, công việc theo quyết định của cấp có thẩm quyền.

- Đối với thuê chuyên gia trong nước (chuyên gia có quốc tịch Việt Nam):

Trong trường hợp nhiệm vụ ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số có nhu cầu thuê chuyên gia trong nước, tổ chức chủ trì nhiệm vụ thuyết minh nội dung yêu cầu công việc thuê chuyên gia, sự cần thiết thuê chuyên gia, công việc thực hiện của chuyên gia, yêu cầu năng lực, trình độ của chuyên gia, kết quả của việc thuê chuyên gia, tiêu chí đánh giá kết quả thuê chuyên gia, dự toán thuê chuyên gia (mức lương của chuyên gia) trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt nhiệm vụ phê duyệt.

Căn cứ lập dự toán chi thuê chuyên gia trong nước thực hiện theo mức lương quy định tại Thông tư số 02/2015/TT-BLĐTBXH ngày 12 tháng 01 năm

2015 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định mức lương đối với chuyên gia tư vấn trong nước làm cơ sở dự toán gói thầu cung cấp dịch vụ tư vấn áp dụng hình thức hợp đồng theo thời gian sử dụng vốn nhà nước.

- Đối với thuê chuyên gia nước ngoài (chuyên gia có quốc tịch nước ngoài):

Trong trường hợp nhiệm vụ ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số có nhu cầu thuê chuyên gia nước ngoài, tổ chức chủ trì nhiệm vụ thuyết minh nội dung yêu cầu công việc thuê chuyên gia, sự cần thiết thuê chuyên gia, công việc thực hiện của chuyên gia, yêu cầu năng lực, trình độ của chuyên gia, kết quả của việc thuê chuyên gia, tiêu chí đánh giá kết quả thuê chuyên gia, dự toán thuê chuyên gia (mức lương của chuyên gia) trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt nhiệm vụ phê duyệt.

Dự toán thuê chuyên gia nước ngoài do tổ chức chủ trì nhiệm vụ đề xuất hoặc trên cơ sở thương thảo với chuyên gia.

1) Chi xây dựng các kế hoạch, chương trình, đề án, kiến trúc công nghệ thông tin, ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số:

- Chi soạn thảo đề cương chi tiết dự thảo văn bản;
- Chi hội thảo xây dựng kế hoạch, chương trình, đề án, dự án;
- Chi cho cá nhân tham gia họp, hội thảo, tọa đàm, hội nghị và họp báo;
- Chi soạn thảo văn bản;

- Chi soạn thảo các báo cáo phục vụ công tác xây dựng văn bản, kế hoạch, chương trình, đề án, kiến trúc.

- Chi soạn thảo văn bản góp ý; báo cáo thẩm định, thẩm tra văn bản của cơ quan thẩm định, thẩm tra (nếu có).

- Chi chỉnh lý hoàn thiện đề cương nghiên cứu, các loại báo cáo, tờ trình văn bản, dự thảo văn bản;

- Chi thuê dịch và hiệu đính tài liệu dịch.

- Chi lấy ý kiến tư vấn của chuyên gia độc lập.

- Chi công tác phí cho cán bộ đi công tác trong nước, các đoàn đi khảo sát ở nước ngoài; chi để tổ chức các cuộc họp, hội nghị, tọa đàm, sơ kết, tổng kết.

- Chi tổ chức các cuộc điều tra, khảo sát, điều tra xã hội học.

- Chi mua văn phòng phẩm, in ấn, sao chụp tài liệu phục vụ trực tiếp cho công tác xây dựng văn bản.

Mức chi các nội dung chi nêu trên thực hiện theo quy định tại điểm a, b, c d, đ khoản này.

m) Chi xây dựng định mức, đơn giá lĩnh vực công nghệ thông tin:

- Chi lập chương trình, kế hoạch xây dựng định mức, đơn giá;
- Chi hội thảo xây dựng định mức, đơn giá;
- Chi cho cá nhân tham gia họp, hội thảo, tọa đàm, hội nghị và họp báo;
- Chi soạn thảo định mức, đơn giá;
- Chi soạn thảo các báo cáo phục vụ công tác xây dựng định mức, đơn giá.
- Chi soạn thảo văn bản góp ý; báo cáo thẩm định, thẩm tra định mức, đơn giá của cơ quan thẩm định, thẩm tra (nếu có).
- Chi chỉnh lý hoàn thiện đề cương nghiên cứu, các loại báo cáo, tờ trình, dự thảo văn bản định mức, đơn giá;
- Chi thuê dịch và hiệu đính tài liệu dịch.
- Chi lấy ý kiến tư vấn của chuyên gia độc lập.
- Chi công tác phí cho cán bộ đi công tác trong nước, các đoàn đi khảo sát ở nước ngoài; chi để tổ chức các cuộc họp, hội nghị, tọa đàm, sơ kết, tổng kết.
- Chi tổ chức các cuộc điều tra, khảo sát, điều tra xã hội học.
- Chi mua văn phòng phẩm, in ấn, sao chụp tài liệu phục vụ trực tiếp cho công tác xây dựng định mức, đơn giá.

Mức chi các nội dung chi nêu trên thực hiện theo quy định tại điểm a, b, c d, đ khoản này.

n) Chi kiểm tra, giám sát, đánh giá việc thực hiện các nhiệm vụ ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số:

- Chi xây dựng chương trình, điều chỉnh chương trình, kế hoạch kiểm tra, đánh giá;
- Chi hoạt động thu thập thông tin, tài liệu, nghiên cứu, đề xuất các vấn đề kiểm tra, đánh giá;
- Chi tổng hợp các kiến nghị và đề xuất của các cơ quan, tổ chức, cá nhân;
- Chi tổ chức các cuộc họp thảo luận các vấn đề thuộc nội dung kiểm tra, đánh giá;
- Chi lấy ý kiến hoặc thuê chuyên gia đánh giá về các báo cáo, thông tin, tài liệu do cơ quan kiểm tra, đánh giá cung cấp;
- Chi xây dựng báo cáo kết quả kiểm tra, đánh giá;
- Chi tổ chức sơ kết, tổng kết, đánh giá công tác kiểm tra, đánh giá;

- Chi khen thưởng cho công tác kiểm tra, đánh giá (nếu có) theo quy định của pháp luật về thi đua khen thưởng;

- Chi mua văn phòng phẩm, vật tư, trang thiết bị, gửi chuyển phát phục vụ trực tiếp cho công tác kiểm tra, đánh giá theo hóa đơn, chứng từ chi hợp pháp, trong phạm vi dự toán được giao.

- Chi làm thêm giờ cho cán bộ kiểm tra, đánh giá;

- Chi cho các hoạt động khác có liên quan trực tiếp đến việc thực hiện công tác kiểm tra, đánh giá.

Riêng đối với các đoàn kiểm tra, đánh giá liên ngành, liên cơ quan thì cơ quan, đơn vị chủ trì đoàn công tác chịu trách nhiệm chi tiền phương tiện đi lại và cước hành lý, tài liệu mang theo để làm việc (nếu có) cho người đi công tác.

Cơ quan, đơn vị cử người đi công tác có trách nhiệm thanh toán tiền phụ cấp lưu trú, tiền thuê chỗ ở cho người thuộc cơ quan mình cử đi công tác.

Mức chi các nội dung chi nêu trên thực hiện theo quy định tại điểm a, b, c, d, đ khoản này.

o) Chi hoạt động của các Ban điều hành, Ban chỉ đạo, Tổ Giúp việc, Hội đồng tư vấn, Mạng lưới trong lĩnh vực ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số: Chi cho công tác chỉ đạo, kiểm tra, giám sát, đôn đốc, đánh giá hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số; chi các cuộc họp, hội nghị, hội thảo; chi hoạt động chuyên môn; chi hỗ trợ hoạt động của cơ quan thường trực thực hiện theo các quy định tại điểm e, g, h, i, k, l, m, n khoản này.

Điều 8. Mức chi đối với hoạt động thuê dịch vụ công nghệ thông tin

1. Chi cho các nhiệm vụ thuê dịch vụ công nghệ thông tin sẵn có trên thị trường thực hiện theo báo giá của nhà cung cấp, nhà sản xuất dịch vụ tại thời điểm thuê dịch vụ theo quy định tại Điều 51 Nghị định số 73/2019/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 82/2024/NĐ-CP) .

2. Chi cho các nhiệm vụ thuê dịch vụ công nghệ thông tin không sẵn có trên thị trường

Việc lập dự toán thuê dịch vụ công nghệ thông tin được thực hiện theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 55 Nghị định số 73/2019/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại điểm a khoản 33 Điều 1 Nghị định số 82/2024/NĐ-CP). Chi tiết các phương pháp xác định chi phí thuê dịch vụ theo hướng dẫn tại Phụ lục số 10 ban hành kèm theo Thông tư số 18/2024/TT-BTTTT.

Điều 9. Điều khoản thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày tháng năm .

2. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, đề nghị các cơ quan, đơn vị kịp thời phản ánh về Bộ Khoa học và Công nghệ để nghiên cứu, giải quyết./.

Nơi nhận:

- TTCP và các Phó TTCP;
- Văn phòng TW và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Cơ quan trung ương của các Hội, đoàn thể;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Cục Kiểm tra VBQPPL (Bộ Tư pháp);
- Công báo, Cổng thông tin điện tử Chính phủ;
- Cổng thông tin điện tử Bộ KH&CN;
- Lưu : VT, CĐSQG.

BỘ TRƯỞNG

Nguyễn Mạnh Hùng